

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14 /2018/HS-ST

Ngày: 16-10-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G– TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán–Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Ngoan.

Các Hội Thẩm nhân dân:

1/ Bà Ngô Thị Thu Thủy;

2/ Bà Nguyễn Thị Thúy Loan .

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thơm– Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa:** Ông Thạch Văn Ổn– Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 10/2018/TLST - HS ngày 29 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS ngày 13/8/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 01/2018/HSST/QĐ ngày 28/9/2018, đối với :

1. Bị cáo:

1. 1 **Đào Thanh L (L Mũi)**, sinh ngày 17/7/1993, tại tỉnh Tiền Giang.

Chứng minh nhân dân số: 312160593.

Trú tại: 33A/4, Mạc Văn Thành, Khu phố 1, phường 3, thị xã G1, tỉnh Tiền Giang;

Nghề nghiệp: không.

Trình độ học vấn: 8/12.

Con ông Đào Văn S1 (sống) và bà Đặng Thị S2 (sống).

Vợ, con: Không có.

Anh, chị, em: 02 người.

- Lần 1: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 09/9/2011 bị TAND huyện G tuyên phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 41/2011/HSST.

- Lần 2: Phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 14/8/2012 bị TAND thị xã G1 tuyên phạt 1 (một) năm tù. Buộc phải chấp hành 9 tháng tù theo bản án số 41/2011/HSST. Tổng hợp hình phạt là 1 năm 9 tháng tù theo bản án số 29/2012/HSST.

- Lần 3: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 31/8/2012 bị TAND huyện G2 tuyên phạt 03 (ba) năm tù theo bản án số 66/2012/HSST.

- Lần 4: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 20/9/2012 bị TAND huyện G tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 1 năm 9 tháng tù theo bản

án số 29/2012/HSST, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù theo bản án số 30/2012/HSST.

* Theo Quyết định tổng hợp hình phạt tù số 01/2013/QĐ-CA ngày 21/3/2013 của TAND tỉnh Tiền Giang Quyết định tổng hợp hình phạt 03 (ba) năm tù theo bản án số 66/2012/HSST và 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù theo bản án số 30/2012/HSST. Hình phạt chung phải chấp hành là 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 30/8/2017.

Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị chấp hành án theo quyết định Thi hành án phạt tù số 26/2018/QĐ-CA ngày 09/7/2018 là 02(hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2018 theo bản án hình sự số 20/2018/HS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

1.2. Trần Công Kh (Tr), sinh năm 1991, tại tỉnh Tiền Giang.

Chứng minh nhân dân số: 312160336.

Trú tại: Khu phố 4, phường 1, thị xã G1, tỉnh Tiền Giang;

Nghề nghiệp: không.

Trình độ học vấn: 3/12.

Con ông Trần Văn H (sống) và bà Nguyễn Thị Ngọc M (sống).

Vợ, con: Không có.

Anh, chị, em: 01 người.

Tiền án: Vào ngày 22/12/2011 phạm tội mua bán trái phép chất ma túy bị TAND thị xã G1 tuyên phạt 07 năm 06 tháng tù theo bản án số 26/2012/HSST. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 22/12/2017.

Tiền sự: không.

Bị cáo đang bị chấp hành án theo quyết định Thi hành án phạt tù số 43/2018/QĐ-CA ngày 04/9/2018 là 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2018 theo bản án hình sự số 33/2018/HS-ST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G1 tỉnh Tiền Giang.

2. Bị hại: Phan Hồng A, sinh năm 1990,

Nơi cư trú: Ấp Kh, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Nhân chứng:

3.1 Kiều Sương B, sinh năm 1986;

Nơi cư trú: Ấp G3, xã T, huyện G2, tỉnh Tiền Giang.

3.2 Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1995;

Nơi cư trú: Ấp K, xã L1, thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

(Bị cáo L; bị cáo Kh có mặt; anh B, anh Ân và anh Ph có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do động cơ tư lợi cá nhân nên khoảng 12 giờ ngày 11/01/2018, tại tiệm sửa xe của anh Kiều Sương B, sinh năm 1986, ngụ ấp G3, xã T, huyện G2, Đào Thanh L rủ Trần Công Kh đi tìm tài sản của người dân để sơ hở trộm bán lấy tiền chia nhau

tiêu xài thì Kh đồng ý. Sau đó, Kh điều khiển xe mô tô hai bánh biển số 63B6-055.29 của Kh chở L chạy đến địa phận ấp Kh, xã L, huyện G, L nhìn thấy 02 (hai) chiếc xe mô tô hai bánh dựng trên đường đan không người trông coi. L đi đến lén lút dùng đoạn mang theo cạy mở ổ khóa, trộm 01 chiếc xe mô tô hiệu Sirius màu trắng- đen biển số 63B5-013.57 của anh Phan Hồng A, sinh năm 1990, ngụ ấp Kh, xã L, huyện G (do chị Phan Thị Kim Oanh là vợ anh Ân đứng tên), rồi điều khiển xe cùng Kh tẩu thoát. Khi về đến thị xã G1 thì hai bị can bàn bạc cùng đem xe 63B5-013.57 vừa trộm được đến nhà anh Nguyễn Ngọc Ph, sinh năm 1995, ngụ ấp K, xã L1, thị xã G1 để cầm xe lấy tiền tiêu xài. Anh Ph đồng ý cầm với giá 3.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó anh Ph kiểm tra thấy xe 63B5-013.57 không có giấy tờ nên điện thoại kêu L đem tiền trả lại cho Ph và nhận lại xe 63B5-013.57. Sau khi nhận lại xe 02 bị cáo đem xe mô tô 63B5-013.57 đến tiệm sửa xe của anh B để B đi bán dùm. Đến ngày 12/01/2018, B điều khiển xe Sirius biển số 63B5-013.57 lên Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh để bán xe trên cho người đàn ông tên Quang (không rõ họ tên thật và địa chỉ) với số tiền là 3.500.000 đồng. Sau đó B đem về đưa cho 02 bị cáo số tiền 3.000.000 đồng. Còn lại số tiền 500.000 đồng bị cáo Kh kêu B giữ lại để sau này sửa xe cho bị cáo Kh. Đến ngày 30/5/2018, anh B giao nộp số tiền trên cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G.

Căn cứ kết luận thẩm định giá trị tài sản số 40/HĐĐGTS ngày 22/01/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận chiếc xe biển số 63B5-013.57 trên tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị là 3.980.000 đồng.

Về vật chứng:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 63B5-013.57, tên Phạm Thị Kim Oanh (vợ anh Ân) ngụ ấp Hòa Phú, xã L, huyện G, Tiền Giang.

- Số tiền 500.000 đồng do Kiều Sương B giao nộp. Cơ quan điều tra đã gửi vào tài khoản Công an huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện G.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 63B6-055.29 mà 02 bị can sử dụng làm phương tiện phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị can Kh đã bán cho một người ở thành phố Hồ Chí Minh (không biết tên, địa chỉ) và công cụ phạm tội là 01 cây đoạn bẻ khóa xe, sau khi trộm xe xong bị can L ném bỏ trên đường tẩu thoát không xác định địa điểm cụ thể. Vì vậy Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra anh Phan Hồng A yêu cầu các bị can bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng. Bị can L và bị can Kh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại mà chỉ đồng ý bồi thường theo kết luận định giá tài sản là 3.980.000 đồng. Các bị can đã tác động gia đình bồi thường cho anh A số tiền 3.500.000 đồng. Anh A nhận tiền xong và không yêu cầu các bị can phải bồi thường thêm gì khác.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G bị cáo L và Kh đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 28/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G truy tố bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Trần Công Kh về tội: “Trộm cắp tài

sản” theo quy định tại khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1- Về hình phạt

Căn cứ khoản 1, điều 173 BLHS, điểm b,s khoản 1, điều 51 và điểm h khoản 1 điều 52, điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Đào Thanh L từ: 01 năm 06 tháng -> 02 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án đang chấp hành.

Căn cứ khoản 1, điều 173 BLHS, điểm b,s khoản 1, điều 51 và điểm h khoản 1 điều 52, điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Trần Công Kh từ: 01 năm- 01 năm 06 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản. Áp dụng điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án đang chấp hành.

2-Vật chứng: áp dụng điều 46 BLHS và điều 106 BLTTHS

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 63B5-013.57, tên Phạm Thị Kim O.

Tịch thu sung công: Số tiền 500.000 đồng.

3-Về án phí: áp dụng điều 136 BLTTHS và điều 23 nghị quyết 326 Buộc các bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời nói sau cùng:

Những ngày ở trại giam Mỹ Phước, Bị cáo đã biết lỗi, ăn năn hối cải, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời.

Bị cáo Kh đã biết lỗi, ăn năn hối cải, sau này bị cáo sẽ là một công dân tốt, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo; lời khai của bị hại và người làm chứng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố vụ án đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự vắng mặt của anh Kiều Sương B, Phan Hồng A và Nguyễn Ngọc Ph. Tất cả có đơn vắng mặt nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xử vắng mặt anh A, anh Ph.

[3] về nội dung vụ án: Tại phiên tòa, bị cáo L và Kh vì muốn có tiền để phục vụ cho nhu cầu bản thân nên bị cáo đã có hành vi lén lút lợi dụng sơ hở của anh Ân để chiếm đoạt tài sản là chiếc xe Sirius biển số 63B5-013.57 trị giá 3.980.000đ. Bị cáo L và bị cáo Kh đã nhận thức được hành vi trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật hình sự; bị cáo ăn năn, hối cải về hành vi phạm tội của mình, xin Hội đồng xét xử xem xét giải nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đào Thanh L và Trần Công Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, bị cáo biết rõ tài sản thuộc sở hữu của người khác nhưng chỉ vì mục đích tư lợi cá nhân nên bị cáo đã lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của bị hại trong việc quản lý và trong coi tài sản nên bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo không chỉ xâm hại đến tài sản của các bị hại, mà còn gây ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội ở địa phương nơi xảy ra vụ án.

[4] Về nhân thân các bị cáo:

[4.1] Về nhân thân các bị cáo L: Bị cáo đã có tiền án như sau:

- Lần 1: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 09/9/2011 bị TAND huyện G tuyên phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 41/2011/HSST.

- Lần 2: Phạm tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, ngày 14/8/2012 bị TAND thị xã G1 tuyên phạt 1 (một) năm tù. Buộc phải chấp hành 9 tháng tù theo bản án số 41/2011/HSST. Tổng hợp hình phạt là 1 năm 9 tháng tù theo bản án số 29/2012/HSST.

- Lần 3: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 31/8/2012 bị TAND huyện G2 tuyên phạt 03 (ba) năm tù theo bản án số 66/2012/HSST.

- Lần 4: Phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 20/9/2012 bị TAND huyện G tuyên phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 1 năm 9 tháng tù theo bản án số 29/2012/HSST, buộc phải chấp hành hình phạt chung là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù theo bản án số 30/2012/HSST.

Tuy nhiên lần phạm tội trộm cắp tài sản, ngày 09/9/2011 bị TAND huyện G tuyên phạt 09 (chín) tháng tù cho hưởng án treo theo bản án số 41/2011/HSST bị cáo là người chưa thành niên phạm tội ít nghiêm trọng nên căn cứ vào điểm b khoản 1 điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 được coi là không có án tích nên cần xem xét nên lần phạm tội này là tái phạm theo khoản 1 điều 53 và là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, ngoài tiền án và lần

phạm tội này thì bị cáo còn thực hiện hành vi trộm cắp tài sản đã bị Tòa án nhân dân Thị xã G1 xử phạt bị cáo L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù và hiện đang bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện G1 khởi tố về hành vi trộm cắp tài sản cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thấy bị cáo L có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện tác động gia đình thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho bị hại. Do vậy, cần xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 cho bị cáo khi lượng hình.

Áp dụng các điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn cấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ là 31/01/2018 về tội Trộm cắp tài sản của bị cáo Đào Thanh L tại bản án số 20/2018/HS-ST ngày 08/6/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

[4.2] Về nhân thân các bị cáo Kh: bị cáo đã có tiền án về tội mua bán trái phép chất ma túy chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này là tái phạm theo khoản 1 điều 53 và là tình tiết tăng nặng theo điểm h khoản 1 điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017. Ngoài ra, ngoài tiền án và lần phạm tội này thì bị cáo còn thực hiện hành vi tội trộm cắp tài sản đã bị Tòa án nhân dân Thị xã G1 xử phạt bị cáo Kh 02 (hai) năm tù cho thấy bị cáo là người xem thường pháp luật, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân lương thiện nhằm răn đe, giáo dục phòng ngừa chung.

Tuy nhiên trong suốt quá trình điều tra, truy tố, xét xử thấy bị cáo Kh có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện tác động gia đình thỏa thuận bồi thường thiệt hại xong cho bị hại. Do vậy, cần xét tình tiết giảm nhẹ hình phạt theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 cho bị cáo khi lượng hình.

Áp dụng các điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 để tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù. Thời hạn cấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam là ngày 11/5/2018 về tội Trộm cắp tài sản của bị cáo Trần Công Kh tại bản án số 33/2018/HSST ngày 03/8/2018 của Tòa án nhân dân Thị xã G1, tỉnh Tiền Giang.

Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: bị cáo L là người rủ rê bị cáo Kh phạm tội nên phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo Kh.

Đối với Kiều Sương B có hành vi đem chiếc xe mô tô biển số 63B5-013.57 đi bán và có hành vi cất giữ số tiền 500.000 đồng có được từ việc bán xe trên, do trong quá trình điều tra không đủ chứng cứ để chứng minh có vai trò đồng phạm và chưa đủ chứng cứ chứng minh trước và sau khi đem xe đi bán B biết rõ về nguồn

gốc chiếc xe mô tô trên do trộm mà có, nên Cơ quan điều tra không xử lý là có cơ sở.

[5] Về trách nhiệm dân sự: chiếc xe Sirius biển số 63B5-013.57 do chị Phạm Thị Kim O (là vợ của anh Phan Hồng A) đứng tên sở hữu, chị O đã ủy quyền cho anh A giải quyết vấn đề yêu cầu bồi thường dân sự. Trong quá trình điều tra anh Phan Hồng A yêu cầu 02 bị cáo bồi thường số tiền là 10.000.000 đồng. Bị cáo L và bị cáo Kh không đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bị hại mà chỉ đồng ý bồi thường theo kết luận định giá tài sản là 3.980.000 đồng. Các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh A số tiền 3.500.000 đồng. Anh A nhận tiền xong và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên đề nghị ghi nhận việc các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh A số tiền 3.500.000 đồng. Anh A nhận tiền xong và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác.

[6] Về vật chứng trong vụ án:

- 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 63B5-013.57, tên Phạm Thị Kim O (vợ anh A) ngụ ấp H1, xã L, huyện G, Tiền Giang hiện nay không còn giá trị sử dụng do không tìm được chiếc xe Sirius biển số 63B5-013.57 nên tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 500.000 đồng do Kiều Sương B giao nộp là số tiền thu lợi bất chính. Cơ quan điều tra đã gửi vào tài khoản Công an huyện mở tại Kho bạc Nhà nước huyện G nên cần tịch thu sung công Nhà nước.

Đối với chiếc xe mô tô biển số 63B6-055.29 mà 02 bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Kh đã bán cho một người ở thành phố Hồ Chí Minh (không biết tên, địa chỉ) và công cụ phạm tội là 01 cây đoản bẻ khóa xe, sau khi trộm xe xong bị cáo L ném bỏ trên đường tàu thoát không xác định địa điểm cụ thể. Vì vậy Cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét xử lý.

Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với quan điểm nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Xử: Tuyên bố bị cáo Đào Thanh L và bị cáo Trần Công Kh phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1/ Về hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 và điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thanh L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án số 20/2018/HSST ngày 08-6-2018 của Tòa án nhân dân thị xã G1 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 31/01/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38 và điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 điều 52, khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Công Kh 01 (một) năm tù. Tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù của bản án số 33/2018/HSST ngày 03-8-2018 của Tòa án nhân dân thị xã G1 buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2018.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 590 Bộ luật dân sự:

Ghi nhận việc ghi nhận việc các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường cho anh A số tiền 3.500.000 đồng. Anh A nhận tiền xong và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm gì khác.

3/ Về vật chứng: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy biển số 63B5-013.57, tên Phạm Thị Kim O (vợ anh A) ngụ ấp H1, xã L, huyện G, Tiền Giang ngay khi án có hiệu lực.

Tịch thu sung công Nhà nước số tiền 500.000 đồng do Kiều Sương B giao nộp là số tiền thu lợi bất chính.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc bị cáo L và Kh mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Công an huyện GCT;
- Cơ quan THAHS- Công an huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- Bị cáo;
- Bị hại;

Đỗ Thị Thu Ngoan